

LỊCH THỜI VỤ NUÔI TÔM NƯỚC LỢI TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNN-TS, ngày tháng năm 2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định)

Huyện, Thị xã, TP	Xã, phường, thị trấn	MV	Thôn	DT (ha)	Tháng												Mật độ thả vụ 1 (con/m ²)		Mật độ thả vụ 2 (con/m ²)	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12				
Quy Nhơn (144,5 ha)	Nhơn Hội	1	Hội Tân	17,6			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				16,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
		2	Hội Thành	0,7			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				28,6			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Đống Đa	3	Khu vực 9A	32,5			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Nhơn Bình	4	Khu vực 4,6,7	49,1			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
Tuy Phước (868,1 ha)	Phước Thuận	5	Quảng Văn, Nhân Ân (trên đê) Lộc Hạ (trên đê)	15,0			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				20,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2				
		6	Bình Thái, Diêm Văn, Nhân Ân (dưới đê), Lộc Hạ (dưới đê)	182,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Phước Sơn	7	Vinh Quang 2 (trên đê), Lộc Thượng, Dương Thiện	10,0			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				39,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
		8	Vinh Quang 2 (dưới đê)	222,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Phước Hòa	9	Huỳnh Giảng, Kim Đông (dưới đê)	299,8			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
		10	Kim Đông (trên đê), Tân Giảng	15,0			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				12,2			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20) ; cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Phước Thắng	11	Đông Điền, Lạc Điền	46,8			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
12		Hồ 1 (Đông Điền)	6,3			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80				
Phù Cát (276 ha)	Cát Hải	13	Chánh Oai, Tân Thắng	31,0		Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150	tôm thẻ 60-100		tôm thẻ 100-150			
			Cơ sở nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao (Cát Thành, Cát Hải)	5,4	Nuôi chuyên tôm vụ 3		Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm vụ3	tôm thẻ 300-500	tôm thẻ 300-500		tôm thẻ 300-500			
	Cát Khánh	14	An Quang Đông	8,1		Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150	tôm thẻ 60-100		tôm thẻ 100-150			
		15	Chánh Lợi, An Quan Tây, Ngãi An 1, 2	30,0			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
				23,5			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2				
	Cát Minh	16	Đức Phổ 1, 2	168,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2				
		17	Cao triều: Đức Phổ 1	10,0			Nuôi chuyên tôm			Nuôi chuyên tôm					tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			

Huyện, TP	Xã, phường, thị trấn	MV	Thôn	DT (ha)	Tháng												Mật độ thả vụ 1 (con/m ²)		Mật độ thả vụ 2 (con/m ²)			
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12						
Phù Mỹ (447 ha)	Mỹ Cát	18	An Mỹ	6,5			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
			An Mỹ	41,5			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.						
	Mỹ Chánh	19	Hạ triều: Thượng An, Trung Xuân, An Hoan, An Xuyên 1,2,3	30,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
		20	Cao triều: Thượng An, Công Trung, Trung Xuân, An Hoan	25,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
		21	Trung hạ triều: An Xuyên 1,2,3	203,5			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.						
	Mỹ Thành	22	Xuân Bình Nam	10,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.						
		23	Xuân Bình Nam, Hưng Lạc, Hưng Tân, Vĩnh Lợi	30,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80			
		24	Cơ sở nuôi tôm UDCNC (Thôn Hòa Hội Nam)	40,0	Nuôi chuyên tôm v3		Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm v3	tôm thẻ 300-500	tôm thẻ 300-500		tôm thẻ 300-500			
		25	Đông đường Hưng Lạc- Vĩnh Lợi	30,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150	tôm thẻ 60-100	tôm thẻ 100-150			
		Mỹ An	26	Xuân Thạnh, Xuân Bình	10,0			Nuôi chuyên tôm							Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150		tôm thẻ 100-150			
	Mỹ Thắng	27	Thôn 8, Thôn 9	12,0			Nuôi chuyên tôm								Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150		tôm thẻ 100-150			
	Mỹ Đức	28	Tân Phú	6,5			Nuôi chuyên tôm								Nuôi chuyên tôm		tôm thẻ 100-150		tôm thẻ 100-150			
		29	Phú Hà, Phú Hòa	2,0				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80		
Hoài Nhơn (203,9 ha)	Hoài Mỹ	30	Dự án Công Lương	13,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 100-120		tôm thẻ 60-80			
		31	Vùng đầm Công Lương	8,0			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 100-120		tôm thẻ 60-80			
				12,0			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.						
	Hoài Hải	32	Kim Giao Nam, Kim Giao Thiện, Diêu Quang	8,3			Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 100-120		tôm thẻ 60-80			
				6,3			Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.						
	Tam Quan Nam	34	Cửu Lợi Tây, Nam, Bắc	47,0				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80		
				5,0				Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.					
	TT. Tam Quan	35	Cao triều khối 1,2,9	18,0				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80		
		36	Hạ triều Khối 1,2, 9	12,0				Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.					
	Tam Quan Bắc	37	Dinh Thạnh, Công Thạnh, Tân Thành 1	35,0				Nuôi chuyên tôm				Nuôi chuyên tôm						tôm thẻ 80-100		tôm thẻ 60-80		
		38	Trường Xuân, Tân Thành 2	37,3				Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.					
	Hoài Châu Bắc	39	Gia An	2,0				Nuôi tổng hợp									tôm sú:≤10 (tôm thẻ:≤20); cá:≤0,1; cua:≤0,2.					
Tổng diện tích				1939,5																		

- Lưu ý:** 1- Đối với nuôi chuyên tôm: Tôm sú giống, cỡ giống PL15 và tôm giống chân trắng (tôm thẻ), cỡ giống PL12 nên qua 20-30 ngày ương.
- 2- Đối với nuôi tổng hợp: Tôm sú, tôm thẻ giống phải qua 20-30 ngày ương Postlarvae; **Cá rô phi:** Cỡ giống: 6-8cm; **cá Chua, cá Dĩa:** Cỡ giống: 6-10cm. **Cua** giống cỡ: 2-2,5cm.
- 3- Thời gian kết thúc thả tôm nuôi ở mỗi vụ được giới hạn trong 30 ngày đầu của mỗi vụ nuôi.

